

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14- 5- 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 668/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số C, đường LM, khóm N, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV; Địa chỉ: Số Q, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Đường NT, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn R, chức vụ Nhân viên kinh doanh thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV, chi nhánh C, theo Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2021. (có mặt)

2/ Tổng Công ty BVNT; Địa chỉ trụ sở chính: Số F, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Công ty BVNT CM. Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà V, số V, đường LT, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

3/ Bà Trần Mỹ P, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A, đường R, khóm S, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

4/ Chị Trần Thị Thùy Nh (tên gọi khác Trần Thị Thùy N), sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Đ, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

5/ Bà Phan Hồng Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số D, đường TVB, khóm J, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

6 /Anh Đặng Như P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D, ấp I, xã TP, huyện GR, tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt)

7/ Chị Nguyễn Hồng Y, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số B, đường NT, khóm K, phường L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

8/ Chị Lê Như H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số P, đường THĐ, khóm G, phường P, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

9/ Anh Nguyễn Quốc D, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số M, đường TVB, khóm N, phường P, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thùy L trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phú Q kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tiền bạc, dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh Q thiếu trách nhiệm với vợ, con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

- Con chung: Chị và anh Q có 01 người con chung tên Nguyễn Quý A, sinh ngày 02/02/2018, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Vợ chồng có sửa chữa căn nhà số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C chi phí tổng cộng 77.500.000.000 đồng. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Đối với việc anh Q cho rằng tài sản chung có 01 Xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số 69A - 051.86 và căn nhà số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C là không đúng. Chị xác định xe ô tô và căn nhà nêu trên là tài sản của mẹ chị bà Phan Hồng Đ, xe hiện do bà Đ đang quản lý, sử dụng, còn nhà bà Đ chỉ cho mượn ở, không tặng cho. Chị xác định xe và nhà không phải tài sản chung. Chị thống nhất với ý kiến anh Q là không yêu cầu phân chia tài sản chung,

để tự thỏa thuận.

- Nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có các khoản nợ chung như sau:

+ Nợ bà Phan Hồng Đ (mẹ ruột chị) tổng cộng 200.000.000 đồng, trong đó 150.000.000 đồng nhờ bà Đ vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và 50.000.000 đồng nhờ bà Đ vay của Tổng công ty BVNT. Đến nay chưa trả được khoản nào.

+ Nợ Tổng công ty BVNT số tiền vốn 54.000.000 đồng và lãi, hiện nay chưa trả được khoản nào.

+ Vay Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 105.000.000 đồng, đã trả được 59.357.628 đồng, đến nay còn nợ 45.642.372 đồng.

+ Nợ chị Lê Như H số tiền 20.000.000 đồng, chưa trả khoản nào.

+ Nợ hui chết của chị Nguyễn Hồng Y số tiền 27.000.000 đồng, chưa trả khoản nào.

+ Nợ hui chết của Trần Thị Thùy Nh số tiền 36.000.000 đồng, chưa trả khoản nào.

+ Nợ bà Trần Mỹ P số tiền 54.000.000 đồng, chưa trả được khoản nào.

Toàn bộ nợ chung này chị yêu cầu chị và anh Q mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung.

Ngoài ra, vợ chồng có nợ anh Đặng Như P số tiền 45.000.000 đồng nhưng anh P nói cho luôn nên khoản nợ này không có; Nợ anh Nguyễn R số tiền 20.000.000 đồng, đã thanh toán xong vào tháng 12 năm 2020.

Anh Nguyễn Phú Q trình bày tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị L trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn liên quan đến tiền bạc, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Trước đây anh có yêu cầu đoàn tụ, tuy nhiên chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn nên anh cũng đồng ý.

- Con chung: Anh và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Quý A, sinh ngày 02/02/2018, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Anh Q xác định vợ chồng có tài sản chung như sau:

+ 01 Xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số 69A - 051.86, xe do Nguyễn Quốc D đứng tên dùm. Hiện chị L đang quản lý. Xe lúc mua có giá 1.050.000.000 đồng, bà Đ trả trước 455.000.000 đồng, vợ chồng anh trả góp được 400.000.00 đồng, còn nợ khoảng 100.000.000 đồng.

+ 01 căn nhà 03 tầng tại số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C do gia đình vợ cho vợ chồng nhưng không có hợp đồng tặng cho và chưa sang tên.

+ Vợ chồng có sửa chữa căn nhà số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C, tổng cộng chi phí 77.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh yêu cầu phân chia tài sản chung. Tại phiên tòa, anh xác định anh không yêu cầu phân chia tài sản chung, để tự thỏa thuận.

- Nợ chung:

+ Nợ bà Trần Mỹ P số tiền 20.000.000 đồng, anh đồng ý có nghĩa vụ thanh toán, không yêu cầu chị L cùng có nghĩa vụ thanh toán. Đối với việc chị L trình bày vợ chồng nợ bà P 54.000.000 đồng là không đúng, anh không thừa nhận nợ chung đối với số tiền 34.000.000 đồng còn lại và không đồng ý cùng chị L có nghĩa vụ thanh toán.

+ Vợ chồng có nhờ bà Đ vay dùm số tiền 150.000.000 đồng của Ngân hàng NNVN. Hiện nay còn nợ lại bao nhiêu anh không biết rõ. Số tiền này anh không nhận, chị L nhận và sử dụng vào mục đích gì anh không biết nên anh xác định đây là nợ riêng của chị L. Anh không đồng ý cùng chị L có nghĩa vụ thanh toán.

+ Nợ anh Đặng Như P số tiền 45.000.000 đồng nhưng anh P nói cho luôn nên không còn nợ.

Ngoài ra vợ chồng không còn khoản nợ chung nào khác. Các khoản nợ còn lại theo chị L trình bày là nợ chung như trên anh không biết, cũng không nhận và sử dụng tiền. Anh xác định đây là các khoản nợ riêng của chị L, anh không đồng ý cùng chị L có nghĩa vụ thanh toán.

Tại văn bản trình bày ý kiến của Ngân hàng TMCP VNTV, anh Nguyễn R là đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP VNTV trình bày tại bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa như sau: Ngày 14/02/2019, chị L vay của Ngân hàng TMCP VNTV số tiền 105.000.000 đồng, hợp đồng vay số LD2013300513, thời hạn vay 36 tháng, đã thanh toán 59.357.628 đồng, còn nợ đến ngày 04/5/2021 là 45.176.372 đồng, khoản lãi 466.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 45.642.372 đồng. Ngân hàng TMCP VNTV xác định khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng chị L và anh Q do vay trong thời kỳ hôn nhân, Ngân hàng TMCP VNTV yêu cầu chị L, anh Q thanh toán hết khoản nợ trước khi ly hôn hoặc hai bên có văn bản thỏa thuận hoặc có quyết định của Tòa án về trách nhiệm trả nợ thuộc về ai. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án đến nay Ngân hàng TMCP VNTV không có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chị L, anh Q thanh toán nợ.

Tại Công văn số 143/2021/BVNT-CV ngày 04/5/2021, Công ty BVNT CM trực thuộc Tổng công ty BVNT xác định: Giữa Công ty BVNT CM với chị L có ký kết hợp đồng bảo hiểm số 568040674. Ngày 03/12/2018, chị L có tạm ứng giá trị giải ước 62.351.626 đồng gồm 54.000.000 đồng tiền tạm ứng và 8.351.626 đồng lãi tạm ứng. Đối với khoản tạm ứng này các bên sẽ giải quyết theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Tổng công ty BVNT không yêu cầu giải quyết khoản nợ trong vụ án này và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Bà Phan Hồng Đ trình bày: Khoảng năm 2018, bà mua 01 xe ô tô và nhờ con là anh Nguyễn Quang D đứng tên dùm. Xe hiệu Honda Civic, biển số 69A- 051.86. Khi mua xe có giá 860.000.000 đồng, trả trước 460.000.000 đồng, phần còn lại trả góp qua Ngân hàng TMCP VNTV, đến nay còn nợ khoảng 170.000.000 đồng. Bà xác định xe ô tô nêu trên là tài sản của bà, không phải là tài sản chung của L và Q.

Sau khi mua xe, bà với L và Q thỏa thuận bà đưa xe cho Q chạy xe thuê, tiền góp xe mỗi kỳ do L và Q góp. Sau khi tắt toán hợp đồng trả góp xe và L và Q trả đủ cho bà 460.000.000 đồng thì bà sẽ sang tên xe ô tô nói trên cho L và Q. Sau đó L và Q mâu thuẫn nên L tự trả góp xe cho đến nay. Bà không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh Q. Về số tiền mà L và Q đã trả góp xe, do L và Q không thực hiện đúng thỏa thuận, bà đã giao xe cho L và Q khai thác, sử dụng nên khoản tiền L và Q góp xe hàng tháng xác định là tiền thuê xe. Trường hợp L và Q có yêu cầu hoàn lại khoản tiền này bà không đồng ý.

Ngoài ra, L và Q nhờ bà vay dùm số tiền 150.000.000 đồng của Ngân hàng NNVN, chưa trả khoản nào và 50.000.000 đồng của Tổng công ty BVNT, bà đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng. Đến nay L và Q chưa trả cho bà được khoản nào. Đối với 02 khoản nợ này, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn giữa L và Q, để tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Bà xin vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Anh Nguyễn Quốc D trình bày: Anh thống nhất với trình bày của bà Đ về xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số 69A- 051.86 và việc thỏa thuận giữa bà Đ với L và Q. Anh xác định xe ô tô này là tài sản của bà Đ do anh đứng tên dùm, không phải là tài sản chung của chị L và anh Q. Anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của anh Q. Anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Chị Nguyễn Hồng Y trình bày: Chị L tham gia hội do chị làm chủ. Chị xác định anh Q biết việc chị L chơi hội này. Sau khi hốt hội, chị L vẫn đóng hội chết cho chị đầy đủ. Chị không yêu cầu giải quyết nợ hội trong vụ án ly hôn này, để tự thỏa thuận, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Chị xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Anh Đặng Như P trình bày: Đầu năm 2020, anh cho chị L và anh Q mượn số tiền 45.000.000 đồng, khi cho mượn không làm biên nhận, đến nay anh Q và chị L chưa trả số tiền này cho anh. Anh xác định anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để tự thỏa thuận, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Chị Lê Như Hoa trình bày: Vào năm 2020, chị L mượn chị 20.000.000 đồng để trả tiền thuê xe, đến nay chị L vẫn chưa trả số tiền này cho chị. Chị xác định chị L mượn tiền để sử dụng mục đích chung của vợ chồng chị L và anh Q. Chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để tự thỏa thuận, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Chị xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Chị Trần Thị Thùy Nh trình bày: Năm 2018, chị L có tham gia hội do chị làm chủ, loại hội 2.000.000 đồng, chị L đã hốt hội, hiện nay hội chưa mãn, chị L vẫn đóng hội chết đầy đủ, còn 18 kỳ là mãn hội. Việc chị L chơi hội này anh Q cũng biết. Chị xác định chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để tự thỏa thuận, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Chị xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Bà Trần Mỹ P trình bày: Bà cho chị L và anh Q vay tiền 03 lần, tổng cộng 54.000.000 đồng, khi vay không làm biên nhận, lãi suất tự thỏa thuận, đến nay chị L

và anh Q chưa trả cho bà được khoản nào. Bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, để tự thỏa thuận, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu ly hôn với anh Q; Con chung: Giao cháu Nguyễn Quý A, sinh ngày 02/02/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng; Tài sản chung: Không xem xét; Nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu độc lập nên không đặt ra xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Phú Q được xác định là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Đại diện Tổng công ty BVNT, bà Phan Hồng Đ, anh Đặng Như P, anh Nguyễn Quốc D, chị Lê Như H, chị Trần Thị Thùy Nh, chị Nguyễn Hồng Y, bà Trần Mỹ P yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đối với họ. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

Đối với khoản nợ của anh Nguyễn R số tiền 20.000.000 đồng, chị L và anh R xác định chị L đã thanh toán xong cho anh R khoản nợ này, anh R không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự không đưa anh R tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Phú Q kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L và anh Q đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, công việc làm ăn, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh Q nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh Q yêu cầu đoàn tụ, tuy nhiên tại phiên tòa anh Q đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh Q mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cãi vã nhau và thực tế anh chị đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L về việc ly hôn với anh Nguyễn Phú Q là có căn cứ.

[3] Con chung: Anh Q và chị L có 01 người con chung tên Nguyễn Quý A, sinh ngày 02/02/2018, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L và anh Q thống nhất giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra

nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị L xác định chỉ có tiền sửa chữa nhà 77.500.000 đồng, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Anh Q xác định ngoài tiền sửa chữa nhà như chị L trình bày thì còn có 01 xe ô tô hiệu Honda Civic, biển số 69A - 051.86 do Nguyễn Quốc D đứng tên và 01 căn nhà tại số số A, đường KT, khóm X, phường Y, thành phố C. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng anh không nộp đơn yêu cầu. Tại phiên tòa chị L và anh Q xác định không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nợ chung: Chị L xác định vợ chồng có nợ chung gồm: Bà Phan Hồng Đ 200.000.000 đồng; Tổng Công ty BVNT 54.000.000 đồng; Ngân hàng TMCP VNTV 45.176.372 đồng; chị Lê Như H 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Hồng Y 27.000.000 đồng; chị Trần Thị Thùy Nh 36.000.000 đồng; bà Trần Mỹ P 54.000.000 đồng. Chị L yêu cầu chị và anh Q mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung.

Anh Q cho rằng chỉ nợ bà P 20.000.000 đồng, anh Q đồng ý có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này, không yêu cầu chị L cùng thanh toán. Ngoài ra anh Q không thừa nhận nợ chung và không đồng ý cùng chị L có nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ khác do chị L trình bày.

Chị L và anh Q cùng thừa nhận có nợ anh Đặng Như P số tiền 45.000.000 đồng, nhưng anh Phú nói cho luôn nên chị L và anh Q xác định không có khoản nợ chung này.

Tổng công ty BVNT, Bà Phan Hồng Đ, anh Đặng Như P, chị Lê Như H, chị Trần Thị Thùy Nh, chị Nguyễn Hồng Y, bà Trần Mỹ P xác định không yêu cầu giải quyết các khoản nợ trên trong vụ án ly hôn giữa anh Q và chị L, để các đương sự tự thỏa thuận, trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Ngân hàng TMCP VNTV tuy có yêu cầu chị L và anh Q thanh toán nợ nhưng quá trình giải quyết vụ án đến nay Ngân hàng TMCP VNTV không có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chị L, anh Q thanh toán nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, các khoản nợ trên đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên các đương sự không có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu giải quyết phân chia nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 68, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thùy L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Phú Q.

Con chung: Giao Nguyễn Quý A, sinh ngày 02/02/2018, đang sống chung với chị Nguyễn Thùy L cho chị Nguyễn Thùy L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Phú Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000335 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Chị Nguyễn Thùy L, anh Nguyễn Phú Q, Ngân hàng TMCP VNTV có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 5, tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân